

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

STT	Ngành/Chuyên ngành tuyển sinh	Chuyên khoa I	Chuyên khoa II	Thạc sĩ	Nội trú	Tiến sĩ
1	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới					
	+ Lao	12	8	16	4	8
	+ Truyền nhiễm	16	3		6	
2	Chăm sóc giảm nhẹ	6				
3	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	30		40		12
4	Dịch tễ học					7
5	Điện quang và y học hạt nhân					
	+ Chẩn đoán hình ảnh	60		10	20	
	+ X Quang		6			
	+ Siêu âm					
6	Điều dưỡng			45		5
7	Dinh dưỡng	20		20		
8	Dược liệu - Dược học cổ truyền	10		20		7
9	Dược lý và dược lâm sàng	30		60		5
10	Gây mê hồi sức	40	9	15	12	0
11	Hóa dược					10
12	Hồi sức cấp cứu và chống độc					
	+ Hồi sức cấp cứu	40	6		7	4
13	Khoa học y sinh			63		41
	+ Giải phẫu bệnh	15	5		10	
	+ Giải phẫu học					
	+ Hóa sinh y học	15	6			
	+ Ký sinh trùng y học	2				
	+ Mô phôi - Di truyền					
	+ Sinh lý bệnh - Miễn dịch học					
	+ Sinh lý học					
14	+ Vi sinh y học	5	2			
	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	20	9	20		10
15	Kỹ thuật phục hồi chức năng			20		
16	Kỹ thuật xét nghiệm y học			45		10
17	Ngoại khoa			114		37
	+ Ngoại khoa	60	12		14	
	+ Chấn thương chỉnh hình	55	6		10	
	+ Ngoại - Lồng ngực	19	5		14	
	+ Ngoại - Nhi	16	4		3	
	+ Ngoại - Thần kinh và sọ não	30	7		8	
	+ Ngoại - Tiết niệu	30	5		4	
	+ Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	35				
18	Nhãn khoa	20	8	20	6	6



STT	Ngành/Chuyên ngành tuyển sinh	Chuyên khoa I	Chuyên khoa II	Thạc sĩ	Nội trú	Tiến sĩ
19	Nhi khoa	110	15	18	15	6
	+ Nhi - Hô hấp					
	+ Nhi - Hô hấp					
	+ Nhi - Huyết học - Ung bướu					
	+ Nhi - Nội tiết và chuyển hóa					
	+ Nhi - Sơ sinh					
	+ Nhi - Thận					
	+ Nhi - Thần kinh					
	+ Nhi - Tiêu hóa					
	+ Nhi - Tim mạch					
20	Nội khoa	70		122	15	40
	+ Nội hô hấp					
	+ Nội thận - tiết niệu					
	+ Nội tiêu hóa					
	+ Nội tim mạch					
	+ Da liễu	40	6		4	
	+ Huyết học và truyền máu	10	5		10	
	+ Lão khoa	30	10		12	
	+ Nội tiết	20	6		4	
	+ Phục hồi chức năng	14	3		8	
	+ Tâm thần	10	6		3	
	+ Thần kinh	20	3		14	
21	Quản lý y tế		30			
22	Răng-Hàm-Mặt	108	18	60	32	15
23	Sản phụ khoa	69	11	34	10	4
24	Tai-Mũi-Họng	30	15	30	8	7C
	+ Mũi họng					7C
	+ Thính học					PHỔ MINH
25	Tổ chức quản lý dược	25	15	30		6
26	Ung thư	35	10	20	10	
27	Y học cổ truyền	38	8	41	10	5
28	Y học dự phòng	20		20		
29	Y học gia đình	37	6	20	6	
30	Y tế công cộng	20		30		10
Tổng		1.292	288	933	279	255

HIỆU TRƯỞNG *thao*

ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

Ngô Quốc Đạt